

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, Điểm b Khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự...

Căn cứ: Khoản 1 điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 132A/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/8/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Đức T – Sinh năm 1982;

HKTT và cư trú tại: Số A phố Q, phường T, Hà Nội

- Và chị Đào Bích N – Sinh năm 1994;

HKTT và cư trú tại: Số E Đ, phường H, Hà Nội

Anh T và chị N đều là người khuyết tật (dạng khuyết tật: Nghe, nói – câm điếc bẩm sinh)

* Người phiên dịch cho anh T và chị N: Chị Trần Hồng V – HKTT và cư trú tại: C, tổ A B T, phường V, Hà Nội.

(Chứng chỉ phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu do V1 cấp ngày 31/7/2015)

* Đại diện gia đình: Bà Trang Thị T1 – Sinh năm 1958 (Mẹ anh T)

CCCD số 001158001035 cấp ngày 02/8/2022

HKTT và cư trú tại: Số A, ngõ A Q, phường T, Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn là việc hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu là chị Đào Bích N có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại: Số E Đ, phường H, thành phố Hà Nội nên theo quy định tại: Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm b khoản 2 điều 35, điểm h khoản 2 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Hà Nội có thẩm quyền giải quyết vụ việc.

Thấy rằng: Chị N là người khuyết tật theo Giấy xác nhận khuyết tật do UBND phường N, quận T (cũ), Hà Nội cấp ngày 11/8/2023;

Anh Nguyễn Đức T cũng là người khuyết tật được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 7409/QĐ-UB ngày 31/10/2022 của U. Tại Quyết định số 55/2012/QĐHNGĐ-ST ngày 28/2/2012 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội cũng đã xác định anh Nguyễn Đức T là người câm điếc bẩm sinh.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, anh T và chị N đều đồng ý mời chị Trần Hồng V (CCCD số 001195015038, HKTT: 37-H7 tổ A T, H, Hà Nội) là người phiên dịch cho anh, chị (chị Trần Hồng V có chứng chỉ phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu của V1) và có sự chứng kiến, xác nhận của đại diện gia đình là bà Trang Thị T1 (mẹ anh T) nên Tòa án xác định việc tham gia tố tụng của anh T, chị N tại Tòa án (thông qua người phiên dịch và đại diện gia đình) là hợp pháp.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Anh Nguyễn Đức T và chị Đào Bích N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 30/5/2013 tại UBND phường N, quận T, thành phố Hà Nội (nay là UBND phường T, thành phố Hà Nội) theo giấy chứng nhận kết hôn số 125, quyển số 01/2013. Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức T và chị Đào Bích N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không phù hợp về tính cách, quan điểm và lối sống dẫn đến vợ chồng thường nảy sinh những bất đồng, căng thẳng không tìm được tiếng nói chung. Nay anh chị xác nhận không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm và chăm sóc nhau nên cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 3 – TP Hà Nội giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Quá trình giải quyết yêu cầu anh Nguyễn Đức T và chị Đào Bích N, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và

chồng và các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân gia đình. Tuy nhiên, anh T và chị N vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Đào Bích N xác nhận có 01 (một) con chung là:

- Cháu Nguyễn Đức T2 – Sinh ngày 20/12/2012, giới tính: Nam

Hiện sức khỏe các cháu bình thường.

Sau khi ly hôn, anh chị tự thỏa thuận giao cháu Nguyễn Đức T2 cho anh Nguyễn Đức T (là bố đẻ) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (18 tuổi) hoặc khi có yêu cầu khác của các bên. Chị Đào Bích N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Đức T và chị Đào Bích N sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh chị xác nhận không có tài sản chung (gồm động sản và bất động sản) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh, chị xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Yêu cầu thuận tình ly hôn và thỏa thuận của anh Nguyễn Đức T và chị Đào Bích N tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 04/8/2025 là hoàn toàn tự nguyện, bảo đảm quyền lợi chính đáng của các bên và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Đào Bích N cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 125, quyển số 01/2013 do UBND phường N, quận T, thành phố Hà Nội (nay là UBND phường T, thành phố Hà Nội) cấp cho anh Nguyễn Đức T và chị Đào Bích N ngày 30/5/2013 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Đào Bích N xác nhận có 01 (một) con chung là:

- Cháu Nguyễn Đức T2 – Sinh ngày 20/12/2012, giới tính: Nam

Hiện sức khỏe các cháu bình thường.

Sau khi ly hôn, anh chị tự thỏa thuận giao cháu Nguyễn Đức T2 cho anh Nguyễn Đức T (là bố đẻ) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung

cho đến khi trưởng thành (18 tuổi) hoặc khi có yêu cầu khác của các bên. Chị Đào Bích N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Đức T và chị Đào Bích N sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh chị xác nhận không có tài sản chung (gồm động sản và bất động sản) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh, chị xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Đức T và chị Đào Bích N được miễn lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Người yêu cầu;
- VKSND Khu vực 3 – Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- UBND P. Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; (Giấy CNKH số 125, quyền số 01/2013 ngày 30/5/2013)

THẨM PHÁN

Dương Thị Huệ

